

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÀO CAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20 /2020/HS-ST

Ngày 24/11/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Bá Đường

Ông Đoàn Thế Xương

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Hà Hải Hên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2020/TLST-HS, ngày 23 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HS, ngày 10/11/2020 đối với bị cáo:

- Lê Thị Thu T, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1995 tại Huyện C, tỉnh H; nơi ĐKKTT và nơi ở: Khu 7 Y, xã P, huyện L, thành phố N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị S; chồng là Chu Văn H; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2020 đến ngày 31/8/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- Bị hại: Bùi Thị L2, sinh năm 1980, trú tại số nhà 4A, ngách 128, ngõ 296 K, phường Đ, quận MĐ, thành phố N (vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 4h ngày 22/8/2020 Lê Thị Thu T đi xe khách từ N lên xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên để lễ đền Ông Bảy, khoảng hơn 8h cùng ngày thì đến đền Ông Bảy. T vào trong đền để lễ các cung, lễ xong T đi ra khu vực sắp lễ thì nhìn thấy chị Bùi Thị L2 đang đeo 01 túi xách không khóa nắp, bên trong có 01 chiếc điện

thoại, T đi lại gần chị L2 dùng tay phải luôn qua nắp trên túi xách lấy 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6S màu vàng và 01 chiếc thẻ tên mang tên Bùi Thị L2 ra cầm trên tay. Lấy được tài sản T đi thẳng ra phía sân đền, chị L2 phát hiện bị mất điện thoại và thẻ tên thì quay sang bên cạnh nói với chị Đỗ Thị Hồng Loan (là người đi lễ cùng) "Em mất điện thoại rồi". Lúc này chị Loan cùng tổ công tác Công an huyện Bảo Yên đang làm nhiệm vụ tại đền đuổi theo T để kiểm tra thì thấy T đang đặt chiếc điện thoại IPHONE 6S màu vàng và thẻ mang tên Bùi Thị L2 lên trụ cổng sân đền. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Thị Thu T, thu giữ vật chứng và đưa T về đồn Công an Bảo Hà để làm việc. Trong quá trình làm việc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 15/KL - HĐĐG ngày 28/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng huyện Bảo Yên kết luận tại thời điểm ngày 22/8/2020: Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE do bị cáo trộm cắp trị giá 2.733.000đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng) .

Cáo trạng số 18/CT-VKSBY ngày 21 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Lê Thị Thu T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng đã viện dẫn ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T từ 06 (sáu) đến 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng. Giao bị cáo cho UBND xã P, huyện L quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bảo Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Sáng ngày 22/8/2020 Bị cáo T đi từ N lên xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên để lễ đền Ông Bảy, khi đến đền Ông Bảy bị cáo nhìn thấy chị L2 đang đeo 01 túi xách không khóa nắp, bên trong có 01 chiếc điện thoại. Bị cáo đi lại gần trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6S màu vàng và 01 chiếc thẻ mang tên Bùi Thị L2 từ trong túi xách ra cầm trên tay. Lấy được tài sản bị cáo đi ra phía sân đền, đang đi thì bị tổ công tác Công an huyện Bảo Yên đuổi theo, thấy vậy bị cáo đặt chiếc điện thoại IPHONE 6S màu vàng và thẻ tên mang tên Bùi Thị L2 lên trụ cổng sân đền. Tài sản mà bị cáo trộm cắp trị giá 2.733.000đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng) do đó bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình.

[4] Về nhân thân và ý thức chấp hành pháp luật tại địa phương: Bị cáo luôn chấp hành tốt mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nghĩa vụ người công dân nơi cư trú. Bị cáo có nơi cư trú ổn định nhân thân tốt, lý lịch rõ ràng, vì thế không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, có tài sản nhưng giá trị không lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Chiếc Điện thoại di động IPHONE 6S màu vàng và chiếc thẻ tên bị cáo chiếm đoạt của chị L2 Cơ quan điều tra tạm giữ đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng, sau khi nhận lại chị L2 không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lê Thị Thu T cho Ủy ban nhân xã P, huyện L, thành phố N

giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Lê Thị Thu T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai (01);
- VKSND tỉnh Lào Cai (01);
- VKSND Huyện Bảo Yên (01);
- CA Huyện Bảo Yên (01);
- THADS Huyện Bảo Yên (01);
- Sở tư pháp (01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01)
- Lưu: HS (1); THAHS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Tiến

